

BẢNG SO SÁNH

Nội dung cập nhật, bổ sung, sửa đổi so với QCVN41:2019/BGTVT
(kèm theo Tờ trình số /TTr-CĐBVN ngày /8/2024 của Cục ĐBVN)

NỘI DUNG QUY CHUẨN 41:2019	NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH	NGUYÊN NHÂN ĐIỀU CHỈNH
<p>Lời nói đầu</p> <p>Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 41:2019/BGTVT do Tổng cục Đường bộ Việt Nam biên soạn, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành theo Thông tư số 54/2019/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2019. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 41:2019/BGTVT thay thế QCVN 41:2016/BGTVT.</p>	<p>Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT do Cục Đường bộ Việt Nam biên soạn, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành theo Thông tư số /2024/TT-BGTVT ngày tháng năm 2024. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT thay thế QCVN 41:2019/BGTVT.</p>	<p>Cập nhật, sửa đổi tên Tổng cục Đường bộ Việt Nam thành Cục Đường bộ Việt Nam</p>
<p>PHẦN 1: QUY ĐỊNH CHUNG</p>		
<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</p>		
<p>Quy chuẩn này quy định về hệ thống báo hiệu đường bộ, bao gồm: hiệu lệnh của người điều khiển giao thông, tín hiệu đèn giao thông, chiếu sáng, biển báo hiệu, vạch kẻ đường, cọc tiêu, tường bảo vệ và rào chắn, cột kilômét, cọc H, mốc lộ giới, gương cầu lồi, dải phân cách và các thiết bị an toàn giao thông khác.</p>	<p>Quy chuẩn này quy định về hệ thống báo hiệu đường bộ, bao gồm: tín hiệu đèn giao thông, chiếu sáng, biển báo hiệu, vạch kẻ đường, cọc tiêu, tường bảo vệ và rào chắn, cột kilômét, cọc H, mốc lộ giới, gương cầu lồi, dải phân cách, thiết bị âm thanh báo hiệu đường bộ và các thiết bị an toàn giao thông khác.</p>	<p>- Bỏ quy định về hiệu lệnh của người điều khiển giao thông (do Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết theo quy định tại khoản 14, Điều 11 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15). - Bổ sung quy định về thiết bị âm thanh báo hiệu đường bộ (quy định tại điểm e, khoản 2, Điều 11 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15).</p>
<p>Quy chuẩn này quy định về hệ thống báo hiệu áp dụng cho tất cả các tuyến đường bộ trong mạng lưới đường bộ Việt Nam bao gồm: đường cao tốc, đường quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện, đường xã, đường đô thị, đường chuyên dùng và các đường nằm trong hệ thống đường bộ tham gia Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (Hiệp định GMS-CBTA, các thỏa thuận trong ASEAN và các thỏa thuận quốc tế khác) - sau đây gọi là các tuyến đường đối ngoại.</p>	<p>Quy chuẩn này quy định về hệ thống báo hiệu áp dụng cho tất cả các tuyến đường bộ trong mạng lưới đường bộ Việt Nam bao gồm: đường cao tốc, đường quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện, đường xã, đường đô thị, đường thôn, đường chuyên dùng và các đường nằm trong hệ thống đường bộ tham gia Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (Hiệp định GMS-CBTA, các thỏa thuận trong ASEAN và các thỏa thuận quốc tế khác) - sau đây gọi là các tuyến đường đối ngoại.</p>	<p>Bổ sung đường thôn theo quy định tại khoản 2, Điều 8 Luật Đường bộ</p>

NỘI DUNG QUY CHUẨN 41:2019	NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH	NGUYÊN NHÂN ĐIỀU CHỈNH
Điều 2. Đối tượng áp dụng		
3.12. Phần đường xe chạy là phần của đường bộ được sử dụng cho phương tiện giao thông qua lại.	Phần đường xe chạy là phần của đường bộ được sử dụng cho phương tiện giao thông đường bộ đi lại.	Chỉnh lý theo khoản 5, Điều 2 Luật Trật tự, ATGT đường bộ
3.15. Làn đường là một phần của phần đường xe chạy được chia theo chiều dọc của đường, có đủ bề rộng cho xe chạy an toàn. Một phần đường xe chạy có thể có một hoặc nhiều làn đường.	Làn đường là một phần của phần đường xe chạy được chia theo chiều dọc của đường, có đủ chiều rộng cho xe chạy an toàn.	Chỉnh lý theo khoản 6, Điều 2 Luật Trật tự, ATGT đường bộ
3.29. Rơ-moóc là tổng hợp gồm hệ thống trục và lốp xe có kết cấu vững chắc được kết nối với xe ô tô sao cho khối lượng toàn bộ của rơ moóc không đặt lên ô tô kéo.	Rơ moóc là xe không có động cơ để di chuyển, được thiết kế, sản xuất để hoạt động trên đường bộ, được kéo bởi xe ô tô; phần chủ yếu của khối lượng toàn bộ rơ moóc không đặt lên xe kéo;	Chỉnh lý theo Điều b, khoản 1, Điều 34 Luật Trật tự, ATGT đường bộ
3.32. Xe gắn máy là chỉ phương tiện chạy bằng động cơ, có hai bánh hoặc ba bánh và vận tốc thiết kế lớn nhất không lớn hơn 50 km/h. Nếu dẫn động là động cơ nhiệt thì dung tích làm việc hoặc dung tích tương đương dưới 50 cm ³ .	Xe gắn máy là xe có hai hoặc ba bánh chạy bằng động cơ, được thiết kế, sản xuất để hoạt động trên đường bộ, có vận tốc thiết kế không lớn hơn 50 km/h; nếu động cơ dẫn động là động cơ nhiệt thì dung tích làm việc hoặc dung tích tương đương không lớn hơn 50 cm³; nếu động cơ dẫn động là động cơ điện thì công suất của động cơ không lớn hơn 04 kW; xe gắn máy không bao gồm xe đạp máy;	Chỉnh lý Điều g, khoản 1, Điều 34 Luật Trật tự, ATGT đường bộ
3.34. Xe đạp là phương tiện có hai bánh xe hoặc ba bánh và di chuyển được bằng sức người đạp hoặc bằng tay quay, kể cả xe chuyên dùng của người khuyết tật có tính năng tương tự.	Xe đạp là xe có ít nhất hai bánh và vận hành do sức người thông qua bàn đạp hoặc tay quay;	Chỉnh lý theo Điều a, khoản 2, Điều 34 Luật Trật tự, ATGT đường bộ
3.39. Xe ưu tiên là xe được quyền ưu tiên theo quy định của Luật Giao thông đường bộ.	Xe ưu tiên gồm xe chữa cháy của Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và xe chữa cháy của các lực lượng khác được huy động đi làm nhiệm vụ chữa cháy; xe của lực lượng quân sự, công an và kiểm sát đi làm nhiệm vụ khẩn cấp; đoàn xe có xe Cảnh sát giao thông dẫn đường; xe cứu thương đi làm nhiệm vụ cấp cứu; xe hộ đê đi làm nhiệm vụ; xe đi làm nhiệm vụ cứu nạn, cứu hộ, khắc phục sự cố thiên tai, dịch bệnh hoặc xe đi làm nhiệm vụ trong tình trạng khẩn cấp; đoàn xe tang.	Chỉnh lý theo Khoản 1, Điều 27 Luật Trật tự, ATGT đường bộ

NỘI DUNG QUY CHUẨN 41:2019	NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH	NGUYÊN NHÂN ĐIỀU CHỈNH
<p>3.52. Vượt xe là tình huống giao thông mà xe đi sau vượt xe đi trước; khi vượt, các xe phải vượt về bên trái (trừ các trường hợp được quy định trong Luật Giao thông đường bộ). Xe đi với tốc độ thấp hơn phải đi về bên phải, khi có xe xin vượt, nếu đủ điều kiện an toàn, người điều khiển phương tiện phía trước phải giảm tốc độ, di sát về phần đường bên phải của phần xe chạy cho đến khi xe sau đã vượt qua, không được gây trở ngại đối với xe xin vượt.</p>	<p>Vượt xe là tình huống giao thông trên đường mà mỗi chiều đường xe chạy chỉ có một làn đường dành cho xe cơ giới, xe đi phía sau di chuyển sang bên trái để di chuyển lên trước xe phía trước.</p> <p>Trên đường có từ hai làn đường dành cho xe cơ giới cùng chiều trở lên được phân biệt bằng vạch kẻ đường, xe đi phía sau di chuyển lên trước xe phía trước thì áp dụng quy tắc sử dụng làn đường quy định tại Điều 13 của Luật Trật tự, ATGT đường bộ</p>	<p>Chính lý theo Khoản 1, Điều 14 Luật Trật tự, ATGT đường bộ</p>

NỘI DUNG QUY CHUẨN 41:2019	NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH	NGUYÊN NHÂN ĐIỀU CHỈNH
PHẦN 2: QUY ĐỊNH KỸ THUẬT		
CHƯƠNG 1 - THỨ TỰ HIỆU LỰC CỦA HỆ THỐNG BÁO HIỆU VÀ THỨ TỰ ĐƯỜNG ƯU TIÊN		
Điều 5. Thứ tự đường ưu tiên		
5.1. Quy định về thứ tự đường ưu tiên như sau:	5.1. Quy định về thứ tự đường ưu tiên như sau:	
- Đường cao tốc;	- Đường cao tốc;	
- Quốc lộ;	- Quốc lộ;	
- Đường đô thị;	- Đường đô thị;	
- Đường tỉnh;	- Đường tỉnh;	
- Đường huyện;	- Đường huyện;	

NỘI DUNG QUY CHUẨN 41:2019	NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH	NGUYÊN NHÂN ĐIỀU CHỈNH
- Đường xã;	- Đường xã;	
- Đường chuyên dùng.	- Đường thôn - Đường chuyên dùng.	Bổ sung đường thôn theo quy định tại khoản 2, Điều 8
5.2.3. Khi lưu lượng xe khác nhau, đường có lưu lượng xe trung bình ngày đêm lớn hơn thì được ưu tiên;	Khi lưu lượng xe khác nhau, đường cùng cấp có lưu lượng xe trung bình ngày đêm lớn hơn thì được ưu tiên;	Bổ sung để rõ nghĩa hơn
CHƯƠNG 2 - HIỆU LỆNH ĐIỀU KHIỂN GIAO THÔNG		
Điều 6. Các phương pháp điều khiển giao thông	Bãi bỏ	Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XV, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 27 tháng 6 năm 2024, có hiệu lực từ ngày 01/01/2025. Trong đó, tại Khoản 13, Điều 11 đã quy định: “Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ, trừ hiệu lệnh của người điều khiển giao thông”.
Điều 7. Hiệu lệnh của người điều khiển giao thông	Bãi bỏ	Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XV, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 27 tháng 6 năm 2024, có hiệu lực từ ngày 01/01/2025. Trong đó, tại Khoản 13, Điều 11 đã quy định: “Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ, trừ hiệu lệnh của người điều khiển giao thông”.
Điều 8. Hiệu lực của người điều khiển giao thông	Bãi bỏ	Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XV, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 27 tháng 6 năm 2024, có hiệu lực từ ngày 01/01/2025. Trong đó, tại Khoản 13, Điều 11 đã quy định: “Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ, trừ hiệu lệnh của người điều khiển giao thông”.

NỘI DUNG QUY CHUẨN 41:2019	NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH	NGUYÊN NHÂN ĐIỀU CHỈNH
Điều 9. Người điều khiển giao thông	Bãi bỏ	Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15 đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XV, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 27 tháng 6 năm 2024, có hiệu lực từ ngày 01/01/2025. Trong đó, tại Khoản 13, Điều 11 đã quy định: “Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ, trừ hiệu lệnh của người điều khiển giao thông”.
Điều 10. Điều khiển giao thông bằng tín hiệu đèn 10.1. Đèn tín hiệu chính điều khiển giao thông được áp dụng ba loại màu tín hiệu: xanh, vàng và đỏ; chủ yếu có dạng hình tròn, lắp theo chiều thẳng đứng hoặc nằm ngang.	Đèn tín hiệu chính điều khiển giao thông được áp dụng ba loại màu tín hiệu: xanh, vàng và đỏ; chủ yếu có dạng hình tròn, lắp theo chiều thẳng đứng hoặc nằm ngang. <i>Hệ thống đèn tín hiệu giao thông sau khi lắp đặt xong phải được chủ đầu tư, cơ quan quản lý đường bộ tổ chức vận hành thử phù hợp với yêu cầu tổ chức giao thông trên đường bộ trước khi nghiệm thu, đưa vào khai thác.</i>	Bổ sung thêm theo điểm d, khoản 2, Điều 23 Luật Đường bộ số 35/2024/QH15
10.3. Ý nghĩa của đèn tín hiệu:	Ý nghĩa của đèn tín hiệu: <i>Tín hiệu đèn giao thông có 03 màu, gồm: màu xanh, màu vàng, màu đỏ; có hiển thị thời gian hoặc không hiển thị thời gian. Người tham gia giao thông đường bộ phải chấp hành như sau:</i>	Bổ sung thêm theo khoản 4, Điều 11 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15
10.3.1. Tín hiệu xanh: cho phép đi.	Tín hiệu xanh: <i>Tín hiệu đèn màu xanh là được đi; trường hợp người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật đang đi ở lòng đường, người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải giảm tốc độ hoặc dừng lại nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường;</i>	Bổ sung thêm theo điểm a, khoản 4, Điều 11 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15
10.3.2. Tín hiệu vàng báo hiệu thay đổi tín hiệu của đèn xanh sang đỏ. Tín hiệu vàng bật sáng, phải dừng lại trước vạch dừng, trường hợp đã đi quá vạch dừng hoặc đã quá gần vạch dừng nếu dừng lại thấy nguy hiểm thì được đi tiếp.	Tín hiệu đèn màu vàng phải dừng lại trước vạch dừng; trường hợp đang đi trên vạch dừng hoặc đã đi qua vạch dừng mà tín hiệu đèn màu vàng thì được đi tiếp.	Chỉnh lý theo khoản 4, Điều 11 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15

NỘI DUNG QUY CHUẨN 41:2019	NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH	NGUYÊN NHÂN ĐIỀU CHỈNH
Trong trường hợp tín hiệu vàng nhấp nháy là được đi nhưng phải giảm tốc độ, chú ý quan sát, nhường đường cho người đi bộ qua đường hoặc các phương tiện khác theo quy định của Luật Giao thông đường bộ.	Trường hợp tín hiệu đèn màu vàng nhấp nháy, người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ được đi nhưng phải quan sát, giảm tốc độ hoặc dừng lại nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường hoặc các phương tiện khác.	Chính lý theo khoản 4, Điều 11 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15
10.3.3. Tín hiệu đỏ: báo hiệu phải dừng lại trước vạch dừng. Nếu không có vạch dừng thì phải dừng trước đèn tín hiệu theo chiều đi.	Tín hiệu <i>đèn màu đỏ</i> là cấm đi: báo hiệu phải dừng lại trước vạch dừng. Nếu không có vạch dừng thì phải dừng trước đèn tín hiệu theo chiều đi.	Chính lý theo điểm c, khoản 4, Điều 11 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15
Điều 11. Xe ưu tiên và tín hiệu của xe ưu tiên		Chính lý theo Điều 27, Luật Trật tự, ATGT đường bộ
11.1. Những xe sau đây được quyền ưu tiên đi trước xe khác khi qua đường giao nhau từ bất kỳ hướng nào tới theo thứ tự:	1. Xe ưu tiên gồm xe chữa cháy của Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và xe chữa cháy của các lực lượng khác được huy động đi làm nhiệm vụ chữa cháy; xe của lực lượng quân sự, công an và kiểm sát đi làm nhiệm vụ khẩn cấp; đoàn xe có xe Cảnh sát giao thông dẫn đường; xe cứu thương đi làm nhiệm vụ cấp cứu; xe hộ đê đi làm nhiệm vụ; xe đi làm nhiệm vụ cứu nạn, cứu hộ, khắc phục sự cố thiên tai, dịch bệnh hoặc xe đi làm nhiệm vụ trong tình trạng khẩn cấp; đoàn xe tang.	
11.1.1. Xe chữa cháy đi làm nhiệm vụ;	2. Xe ưu tiên được quyền đi trước xe khác khi qua đường giao nhau từ bất kỳ hướng nào tới theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau:	
11.1.2. Xe quân sự, xe công an đi làm nhiệm vụ khẩn cấp; đoàn xe có xe cảnh sát dẫn đường;	a) Xe chữa cháy của Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và xe chữa cháy của các lực lượng khác được huy động đi làm nhiệm vụ chữa cháy;	
11.1.3. Xe cứu thương đang thực hiện nhiệm vụ cấp cứu;	b) Xe của lực lượng quân sự, công an, kiểm sát đi làm nhiệm vụ khẩn cấp; đoàn xe có xe Cảnh sát giao thông dẫn đường;	

NỘI DUNG QUY CHUẨN 41:2019	NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH	NGUYÊN NHÂN ĐIỀU CHỈNH
11.1.4. Xe hộ đê, xe đi làm nhiệm vụ khắc phục sự cố thiên tai, dịch bệnh hoặc xe đi làm nhiệm vụ trong tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật;	c) Xe cứu thương đi làm nhiệm vụ cấp cứu;	
11.1.5. Đoàn xe tang.	d) Xe hộ đê đi làm nhiệm vụ; xe đi làm nhiệm vụ cứu nạn, cứu hộ, khắc phục sự cố thiên tai, dịch bệnh hoặc xe đi làm nhiệm vụ trong tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật;	
11.2. Xe quy định tại các điểm từ 11.1.1 đến 11.1.4 của khoản 11.1 Điều này khi làm nhiệm vụ có tín hiệu theo quy định không bị hạn chế tốc độ; được phép đi vào đường ngược chiều, các đường khác có thể đi được, kể	đ) Đoàn xe tang.	
11.3. Tín hiệu của xe chữa cháy đi làm nhiệm vụ:	3. Xe ưu tiên quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều này phải có tín hiệu ưu tiên theo quy định của pháp luật. Màu của tín hiệu đèn ưu tiên được quy định như sau:	
11.3.1. Xe chữa cháy có đèn quay hoặc đèn chớp phát sáng màu đỏ hoặc xanh gắn trên nóc xe và có còi phát tín hiệu ưu tiên.	a) Xe chữa cháy của Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và xe chữa cháy của các lực lượng khác được huy động đi làm nhiệm vụ chữa cháy, xe của lực lượng quân sự đi làm nhiệm vụ khẩn cấp, xe cứu thương đang làm nhiệm vụ cấp	
11.4. Tín hiệu của xe quân sự đi làm nhiệm vụ khẩn cấp:	b) Xe của lực lượng công an, kiểm sát đi làm nhiệm vụ khẩn cấp, xe Cảnh sát giao thông dẫn đường có đèn nhấp nháy màu xanh và đỏ;	
11.4.1. Xe ô tô có đèn quay hoặc đèn chớp phát sáng màu đỏ gắn trên nóc xe, cờ hiệu quân sự đặt ở đầu xe phía bên trái người lái; có còi phát tín hiệu ưu tiên.	c) Xe hộ đê đi làm nhiệm vụ; xe đi làm nhiệm vụ cứu nạn, cứu hộ, khắc phục sự cố thiên tai, dịch bệnh hoặc xe đi làm nhiệm vụ trong tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật có đèn nhấp nháy màu xanh.	
11.4.2. Xe máy có đèn quay hoặc đèn chớp phát sáng màu đỏ gắn ở càng xe phía trước hoặc phía sau; cờ hiệu quân sự đặt ở đầu xe; có còi phát tín hiệu ưu tiên.	4. Xe ưu tiên quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều này không bị hạn chế tốc độ; được phép đi không phụ thuộc vào tín hiệu đèn giao thông, đi vào đường ngược chiều, các đường khác có thể đi được; riêng đối với đường cao tốc, chỉ	
11.5. Tín hiệu của xe công an đi làm nhiệm vụ khẩn cấp:	5. Khi có tín hiệu của xe ưu tiên, người và phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải giảm tốc độ, đi sát lề đường bên phải hoặc dừng lại để nhường đường, trạm thu phí phải ưu tiên cho xe ưu tiên qua trạm trong mọi tình huống, không được gây	

NỘI DUNG QUY CHUẨN 41:2019	NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH	NGUYÊN NHÂN ĐIỀU CHỈNH
11.5.1. Xe ô tô có đèn quay hoặc đèn chớp phát sáng màu xanh hoặc đỏ gắn trên nóc xe, cờ hiệu công an đặt ở đầu xe phía bên trái người lái; có còi phát tín hiệu ưu tiên.		
11.5.2. Xe máy có đèn quay hoặc đèn chớp phát sáng màu xanh hoặc đỏ gắn ở càng xe phía trước hoặc phía sau, cờ hiệu công an đặt ở đầu xe; có còi phát tín hiệu ưu tiên.		
11.6. Tín hiệu của xe cảnh sát giao thông dẫn đường:		
11.6.1. Xe ô tô có đèn quay hoặc đèn chớp phát sáng màu xanh - đỏ gắn trên nóc xe, cờ hiệu Công an đặt ở đầu xe phía bên trái người lái; có còi phát tín hiệu ưu tiên;		
11.6.2. Xe máy có đèn quay hoặc đèn chớp phát sáng màu xanh hoặc đỏ gắn ở càng xe phía trước hoặc phía sau; cờ hiệu công an đặt ở đầu xe; có còi phát tín hiệu ưu tiên.		
11.7. Tín hiệu của xe cứu thương đang thực hiện nhiệm vụ cấp cứu		
Xe cứu thương có đèn quay hoặc đèn chớp phát sáng màu đỏ gắn trên nóc xe; có còi phát tín hiệu ưu tiên.		
11.8. Tín hiệu của xe hộ đê, xe đi làm nhiệm vụ trong tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật.		
11.8.1. Xe làm nhiệm vụ cứu hộ đê có cờ hiệu “HỘ ĐÊ” đặt ở đầu xe phía bên trái người lái.		

NỘI DUNG QUY CHUẨN 41:2019	NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH	NGUYÊN NHÂN ĐIỀU CHỈNH
<p>11.8.2. Xe đi làm nhiệm vụ khắc phục sự cố thiên tai, dịch bệnh hoặc xe đi làm nhiệm vụ trong tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật thực hiện như sau:</p> <p>a) Xe đi làm nhiệm vụ khắc phục sự cố thiên tai, dịch bệnh, có biển hiệu riêng.</p>		
<p>b) Xe đi làm nhiệm vụ trong tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật có cờ hiệu “TÌNH TRẠNG KHẨN CẤP” đặt ở đầu xe phía bên trái người lái.</p>		
<p>11.9. Sử dụng tín hiệu của xe ưu tiên:</p>		
<p>11.9.1. Xe được quyền ưu tiên chỉ được sử dụng tín hiệu ưu tiên khi đi làm nhiệm vụ và thiết bị phát tín hiệu ưu tiên trên xe phải được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép sử dụng.</p>		
<p>11.9.2. Các phương tiện giao thông cơ giới đường bộ không thuộc loại xe được quyền ưu tiên thì không được lắp đặt, sử dụng còi, cờ, đèn phát tín hiệu ưu tiên. Xe được quyền ưu tiên phải lắp đặt, sử dụng tín hiệu còi, cờ, đèn ưu tiên theo quy định tại các khoản 11.3, 11.4, 11.5, 11.6, 11.7 và khoản 11.8 của Điều này.</p>		
<p>11.10. Khi có tín hiệu của xe được quyền ưu tiên, người tham gia giao thông phải nhanh chóng giảm tốc độ, tránh hoặc dừng lại sát lề đường bên phải để nhường đường. Không được gây cản trở xe được quyền ưu tiên.</p>		
<p>Điều 12. Hiệu lực của đèn tín hiệu</p>		
<p>Điều 13. Vị trí và độ cao đặt đèn tín hiệu</p>		
<p>Điều 16. Kích thước của biển báo</p>		
<p>16.1. Quy chuẩn này quy định các thông số về kích thước biển, hình vẽ trong biển và chữ viết tương ứng với đường đô thị có hệ số là 1 (xem Hình 1 và Bảng 1). Trường hợp đặc biệt, kích thước biển có thể được điều chỉnh để đảm bảo cân đối, đáp ứng tính thẩm mỹ và rõ ràng thông tin.</p>		
<p>16.2. Đối với các đường khác, kích thước biển, hình vẽ trong biển và chữ viết phải nhân với hệ số tương ứng trong Bảng 2, kích thước biển được làm tròn theo nguyên tắc:</p>		
<p>a) Số hàng đơn vị ≤ 5 thì lấy bằng 5;</p>		

NỘI DUNG QUY CHUẨN 41:2019	NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH	NGUYÊN NHÂN ĐIỀU CHỈNH
b) Số hàng đơn vị □ 5 thì lấy bằng 0 và tăng số hàng chục lên 1 đơn vị.		
<i>Hình 1 - Kích thước các loại biển báo</i>		
<i>Bảng 1 - Kích thước cơ bản của biển báo hệ số 1</i>	Đôi đơn vị tính là mm trong toàn bộ thông tin bảng	Phù hợp với kích thước biển được làm tròn theo nguyên tắc (tăng số hàng chục lên 1 đơn vị)
<i>Bảng 2 - Hệ số kích thước biển báo</i> Trong một số trường hợp đặc biệt, chẳng hạn để đồng bộ trên đoạn toàn tuyến có chiều rộng mặt đường như nhau nhưng có dải phân cách có đoạn không có dải phân cách, hoặc các đoạn ngắn xen kẽ thì kích thước biển báo được bố trí giống nhau theo hướng thuận tiện cho việc quan sát của người tham gia giao thông và mỹ quan.	Trong một số trường hợp đặc biệt, chẳng hạn để đồng bộ trên toàn tuyến có chiều rộng mặt đường như nhau nhưng có đoạn có dải phân cách có đoạn không có dải phân cách, hoặc các đoạn ngắn xen kẽ thì kích thước biển báo được bố trí giống nhau theo hướng thuận tiện cho việc quan sát của người tham gia giao thông và mỹ quan. <i>Biển báo lắp đặt trên dải phân cách giữa sử dụng hệ số 1 và kích thước bao ngoài của biển báo lắp đặt không vượt quá chiều rộng dải phân cách giữa đặt biển.</i>	Bổ sung nội dung về Biển báo lắp đặt trên dải phân cách giữa sử dụng hệ số 1 và kích thước bao ngoài của biển báo lắp đặt không vượt quá chiều rộng dải phân cách giữa đặt biển.
Điều 18. Biển báo giao thông có thông tin thay đổi, biển báo tạm thời		
Điều 20. Vị trí đặt biển báo theo chiều dọc và ngang đường		
20.1. Biển báo hiệu đặt ở vị trí dễ người tham gia giao thông dễ nhìn thấy và có đủ thời gian để chuẩn bị đề phòng, thay đổi tốc độ hoặc thay đổi hướng nhưng không được làm cản trở tầm nhìn và sự đi lại của người tham gia giao thông.	Biển báo hiệu đặt ở vị trí dễ người tham gia giao thông dễ nhìn thấy và có đủ thời gian để chuẩn bị đề phòng, thay đổi tốc độ hoặc thay đổi hướng nhưng không được làm cản trở tầm nhìn và sự đi lại của người tham gia giao thông. <i>Biển phụ được sử dụng kết hợp để thuyết minh bổ sung các loại biển báo cấm, biển báo nguy hiểm, biển hiệu lệnh, biển chỉ dẫn và đèn tín hiệu</i>	Bổ sung theo điểm d, khoản 3, Điều 23 Luật Đường bộ số 35/2024/QH15 và để phù hợp thực tiễn thuyết minh bổ sung cho đèn tín hiệu khi cần thiết (đèn đỏ được phép rẽ phải, v.v....)
20.2. Biển được đặt thẳng đứng, mặt biển quay về hướng đối diện chiều đi; Biển được đặt về phía tay phải hoặc phía trên phần đường xe chạy (trừ các trường hợp đặc biệt). Ngoài ra, tùy từng trường hợp, có thể đặt bổ sung biển báo ở bên trái theo chiều đi.	Biển được đặt thẳng đứng, mặt biển quay về hướng đối diện chiều đi; Được đặt về phía bên phải hoặc phía trên phần đường xe chạy. <i>Trong một số trường hợp cụ thể, có thể đặt bổ sung biển báo ở bên trái theo chiều đi để chỉ dẫn, báo hiệu cho người tham gia giao thông đường bộ.</i>	Chỉnh lý theo điểm b, khoản 3, Điều 23 Luật Đường bộ số 35/2024/QH15

NỘI DUNG QUY CHUẨN 41:2019	NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH	NGUYÊN NHÂN ĐIỀU CHỈNH
<p>20.3. Trường hợp biển báo đặt trên cột (có thể đặt trên trụ chiếu sáng, trụ điện) thì khoảng cách mép ngoài của biển theo phương ngang đường cách mép phần đường xe chạy tối thiểu là 0,5 m và tối đa là 1,7 m. Trường hợp không có lề đường, hè đường, khuất tầm nhìn hoặc các trường hợp đặc biệt khác được phép điều chỉnh theo phương ngang nhưng mép biển phía phần xe chạy không được chồm lên mép phần đường xe chạy và cách mép phần đường xe chạy không quá 3,5 m.</p>		
<p>Điều 21. Giá long môn và cột cần vươn</p>	<p><i>21.4. Đối với đường có từ hai làn xe cơ giới trở lên trên một chiều xe chạy, ưu tiên bố trí đèn tín hiệu, biển báo hiệu lệnh, biển báo nguy hiểm trên cột cần vươn hoặc giá long môn</i></p>	<p>Bổ sung quy định để bảo đảm tầm nhìn tốt hơn</p>
<p><i>Hình 2. Giá long môn</i></p>		
<p>Điều 22. Độ cao đặt biển và ghép biển</p>		
<p>Điều 49. Quy định chung đối với biển chỉ dẫn trên đường cao tốc</p>		
<p>49.1. Chức năng biển chỉ dẫn trên đường cao tốc</p>	<p>49.1. Chức năng biển chỉ dẫn trên đường cao tốc <i>(bao gồm cả đường bộ cao tốc phân kỳ theo quy mô của Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt).</i></p>	<p>Bổ sung nội dung “bao gồm cả đường bộ cao tốc phân kỳ theo quy mô của Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt” để phù hợp với các tuyến cao tốc phân kỳ đầu tư đang được khai thác, sử dụng</p>
<p>Điều 50. Nội dung biển chỉ dẫn trên đường cao tốc</p>		

NỘI DUNG QUY CHUẨN 41:2019	NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH	NGUYÊN NHÂN ĐIỀU CHỈNH
<p>50.6.1. Mã hiệu đường bộ được đặt trong một khuôn hình chữ nhật có kích thước cố định, gồm hai phần: tên đường bộ viết tắt và số hiệu đường bộ. Tên đường bộ viết tắt (Đường cao tốc - CT, Quốc lộ - QL, Đường tỉnh - ĐT, Đường huyện - ĐH). Số hiệu đường bộ được quy định cụ thể tại Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Tên đường bộ viết tắt và số hiệu đường bộ được phân cách bằng một dấu chấm. Sử dụng kiểu chữ gt2 (kiểu chữ thường) để ghi ký hiệu đường bộ, trong đó tùy theo độ dài của ký hiệu đường bộ, cho phép điều chỉnh chiều rộng của ký tự và khoảng cách giữa các ký tự cho sao phù hợp với khuôn hình chữ nhật định sẵn. Căn cứ quy hoạch phát triển mạng lưới đường bộ cao tốc Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 đã được phê duyệt, mã hiệu đường cao tốc theo quy hoạch được quy định tại Phụ lục N của Quy chuẩn này. Kích thước mã hiệu đường cao tốc được quy định cụ thể tại Phụ lục O của Quy chuẩn này.</p>	<p>50.6.1. Mã hiệu đường bộ được đặt trong một khuôn hình chữ nhật có kích thước cố định, gồm hai phần: tên đường bộ viết tắt và số hiệu đường bộ. Tên đường bộ viết tắt (Đường cao tốc - CT, Quốc lộ - QL, Đường tỉnh - ĐT, Đường huyện - ĐH). Số hiệu đường bộ được quy định cụ thể tại <i>Nghị định của Chính phủ Quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Đường bộ số 35/2024/QH15</i>. Tên đường bộ viết tắt và số hiệu đường bộ được phân cách bằng một dấu chấm. Sử dụng kiểu chữ gt2 (kiểu chữ thường) để ghi ký hiệu đường bộ, trong đó tùy theo độ dài của ký hiệu đường bộ, cho phép điều chỉnh chiều rộng của ký tự và khoảng cách giữa các ký tự cho sao phù hợp với khuôn hình chữ nhật định sẵn. Căn cứ quy hoạch phát triển mạng lưới đường bộ cao tốc Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 đã được phê duyệt, mã hiệu đường cao tốc theo quy hoạch được quy định tại Phụ lục N của Quy chuẩn này. Kích thước mã hiệu đường cao tốc được quy định cụ thể tại Phụ lục O của Quy chuẩn này.</p>	<p>Bổ nội dung cụ thể Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.</p>
<p>Điều 61. Tiêu phản quang</p>		
<p>61.1. Quy định chung đối với tiêu phản quang</p>		
<p>61.1.1. Tiêu phản quang là thiết bị dẫn hướng được gắn các công cụ phản quang để dẫn hướng xe chạy vào ban đêm hoặc trong điều kiện sương mù, điều kiện hạn chế tầm nhìn. Tiêu phản quang được bố trí tại các nơi mà tuyến đường có thể gây ngộ nhận hoặc lúng túng về hướng đường.</p>	<p>Tiêu phản quang là thiết bị dẫn hướng được gắn các công cụ phản quang để dẫn hướng xe chạy vào ban đêm hoặc trong điều kiện sương mù, điều kiện hạn chế tầm nhìn. Tiêu phản quang được bố trí tại các nơi mà tuyến đường có thể gây ngộ nhận hoặc lúng túng về hướng đường. <i>Chiều cao đặt tiêu phản quang phù hợp với địa hình, quy mô tuyến đường, bảo đảm tiêu phản quang phát huy tác dụng dẫn hướng.</i></p>	<p>Bổ sung nội dung "Chiều cao đặt tiêu phản quang phù hợp với địa hình, quy mô tuyến đường, bảo đảm tiêu phản quang phát huy tác dụng dẫn hướng", để tư vấn thiết kế chủ động nghiên cứu, khảo sát thực tế ban đêm hoặc trời sương mù, hạn chế tầm nhìn, qua đó xác định chiều cao đặt tiêu phù hợp từng vị trí cụ thể, phát huy tác dụng dẫn hướng.</p>
<p>Điều 81. Tổ chức trạm điều khiển giao thông</p>	<p>Tổ chức trạm điều tiết giao thông</p>	<p>điều khiển giao thông là hiệu lệnh của người điều khiển giao thông (CSGT), nên chỉnh lý lại là "điều tiết"</p>

NỘI DUNG QUY CHUẨN 41:2019	NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH	NGUYÊN NHÂN ĐIỀU CHỈNH
81.1. Trường hợp cấm đi lại xảy ra đột ngột hoặc việc tổ chức phân luồng trên địa bàn phức tạp về giao thông thì ngoài hệ thống báo hiệu như quy định từ Điều 77 đến Điều 80 của Quy chuẩn này cần thiết tổ chức các trạm điều khiển giao thông.	Trường hợp cấm đi lại xảy ra đột ngột hoặc việc tổ chức phân luồng trên địa bàn phức tạp về giao thông thì ngoài hệ thống báo hiệu như quy định từ Điều 77 đến Điều 80 của Quy chuẩn này cần thiết tổ chức các trạm điều tiết giao thông.	
81.2. Trạm điều khiển giao thông, khi cần thiết, bố trí người thường trực làm việc liên tục suốt ngày đêm để điều hành giao thông.	Trạm <i>điều tiết</i> giao thông, khi cần thiết, bố trí người thường trực làm việc liên tục suốt ngày đêm để điều hành giao thông.	
81.3. Phải trang bị tại trạm đủ rào chắn, biển báo, đèn, cờ để điều khiển sự đi lại.		
81.4. Nếu phải lập trạm điều khiển giao thông vì lý do đường, cầu bị hư hỏng thì cơ quan quản lý đường có trách nhiệm tổ chức trạm.	Nếu phải lập trạm <i>điều tiết</i> giao thông vì lý do đường, cầu bị hư hỏng thì cơ quan quản lý đường có trách nhiệm tổ chức trạm.	
81.5. Nếu phải lập trạm điều khiển giao thông do các công việc xây dựng, sửa chữa cầu đường hoặc các công trình khác có ảnh hưởng đến sự đi lại thì các đơn vị thầu xây lắp phải chịu kinh phí để cơ quan quản lý đường bộ tổ chức trạm.	Nếu phải lập trạm <i>điều tiết</i> giao thông do các công việc xây dựng, sửa chữa cầu đường hoặc các công trình khác có ảnh hưởng đến sự đi lại thì các đơn vị thầu xây lắp phải chịu kinh phí để cơ quan quản lý đường bộ tổ chức trạm.	
81.6. Nếu phải tổ chức trạm trong một thời gian ngắn vì các lý do khác ngoài các lý do nêu ở khoản 81.4 và khoản 81.5 Điều này thì tùy tính chất công việc do cơ quan công an chịu trách nhiệm hoặc cơ quan công an chủ trì phối hợp với cơ quan quản lý đường bộ tổ chức thực hiện.		
81.7. Trước khi tổ chức trạm theo quy định ở khoản 81.6 Điều này, cơ quan công an lấy ý kiến với cơ quan quản lý đường bộ để được phối hợp, hỗ trợ.		
Điều 86. Lan can phòng hộ		
Có ba loại lan can phòng hộ, gồm lan can phòng hộ cứng, nửa cứng và lan can phòng hộ mềm.		

NỘI DUNG QUY CHUẨN 41:2019	NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH	NGUYÊN NHÂN ĐIỀU CHỈNH
<p>86.1. Lan can phòng hộ cứng là loại phòng hộ bằng bê tông cốt thép hoặc kết cấu có độ cứng tương tự nhằm giảm thiểu, ngăn ngừa các xe đâm xuyên qua chiều đường ngược lại gây nguy hiểm. Loại này được áp dụng ở các đường có tốc độ cao, dải phân cách cố định bề rộng hẹp, đường có nhiều xe tải và xe buýt.</p> <p>86.2. Lan can phòng hộ dạng nửa cứng là loại phòng hộ bằng tôn lượn sóng gồm một hoặc hai hàng, ba hàng được lắp đặt song song với mặt đường bằng cột gắn xuống đường; mép trên của tôn sóng phải cao hơn đỉnh cột.</p>	<p>Lan can phòng hộ dạng nửa cứng là loại phòng hộ bằng tôn lượn sóng gồm một hoặc hai hàng, ba hàng được lắp đặt song song với mặt đường bằng cột gắn xuống đường; mép trên của tôn sóng phải cao hơn đỉnh cột. <i>Đoạn dẫn chuyển tiếp lan can phòng hộ xuống đất được kéo dài qua đầu cột và chôn vào trong đất.</i></p>	<p>Bổ sung nội dung “Đoạn dẫn chuyển tiếp lan can phòng hộ xuống đất ngược chiều xe chạy được kéo dài qua đầu cột và chôn vào trong đất” để phòng tránh hiện tượng xe đâm va và bị nảy lên hoặc lật lên (Tổng cục ĐBVN đã hướng dẫn thực hiện tại văn bản số 957/TCĐBVN-ATGT-CQLXDDB ngày 26/01/2022)</p>
	<p>CHƯƠNG 16 (Bổ sung) THIẾT BỊ ÂM THANH BÁO HIỆU ĐƯỜNG BỘ Điều xx. Yêu cầu chung 1. Tín hiệu âm thanh báo hiệu đường bộ để hỗ trợ cảnh báo nguy hiểm cho người tham gia giao thông đường bộ. 2. Tín hiệu âm thanh phải đảm bảo thông báo rõ ràng trong mọi điều kiện thời tiết và trạng thái đường bộ. Điều xx. Thiết bị chuông, loa phát âm 1. Chuông, loa phát âm thanh phải làm việc đồng bộ với tín hiệu điều khiển giao thông khác và tắt ngay sau khi kết thúc tín hiệu điều khiển giao thông. 2. Việc lắp đặt thiết bị âm thanh thực hiện theo hướng dẫn của nhà sản xuất.</p>	<p>Bổ sung theo quy định tại điểm e, khoản 1 và khoản 6, Điều 23 Luật Đường bộ số 35/2024/QH15</p>
<p>PHẦN 3: QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ</p>		
<p>Điều 87. Nguyên tắc quản lý</p>		
<p>87.2.3. Báo hiệu đường bộ có biểu tượng, ký hiệu, kích thước, màu sắc, đường viền chưa hoàn toàn phù hợp với Quy chuẩn này nhưng không gây hiểu nhầm, hiểu sai khác về ý nghĩa sử dụng so với quy định tại Quy chuẩn này thì vẫn có hiệu lực thi hành và sẽ được thay thế dần, hoàn thành trước ngày 20/8/2025.</p>	<p>Báo hiệu đường bộ có biểu tượng, ký hiệu, kích thước, màu sắc, đường viền chưa hoàn toàn phù hợp với Quy chuẩn này nhưng không gây hiểu nhầm, hiểu sai khác về ý nghĩa sử dụng so với quy định tại Quy chuẩn này thì vẫn có hiệu lực thi hành và sẽ được thay thế dần <i>cho phù hợp khi có sửa chữa thay thế hư hỏng.</i></p>	<p>Bổ quy định về thời hạn, lộ trình thay thế (trước ngày 20/8/2025)</p>

NỘI DUNG QUY CHUẨN 41:2019	NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH	NGUYÊN NHÂN ĐIỀU CHỈNH
87.4. Ngoài báo hiệu đường bộ quy định trong Quy chuẩn này, trường hợp cần thiết, Tổng cục Đường bộ Việt Nam căn cứ vào thực tế, đề xuất báo cáo Bộ Giao thông vận tải xem xét, quyết định.	Ngoài báo hiệu đường bộ quy định trong Quy chuẩn này, trường hợp cần thiết, Cục Đường bộ Việt Nam căn cứ vào thực tế, đề xuất báo cáo Bộ Giao thông vận tải xem xét, quyết định.	Điều chỉnh "Tổng cục ĐBVN" thành "Cục ĐBVN"
PHẦN 4: TỔ CHỨC THỰC HIỆN		
Điều 90. Tổ chức thực hiện		
90.1. Tổng cục Đường bộ Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chuẩn này trên toàn mạng lưới đường bộ; triển khai thực hiện trên hệ thống Quốc lộ; xây dựng các bộ định hình, hướng dẫn việc thiết kế và lắp đặt hệ thống báo hiệu đường bộ, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ theo Quy chuẩn này.	90.1. Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chuẩn này trên các hệ thống đường bộ được giao quản lý; hướng dẫn việc thiết kế và lắp đặt hệ thống báo hiệu đường bộ, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ theo Quy chuẩn này. Cục Đường bộ Việt Nam, Cục Đường cao tốc Việt Nam có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chuẩn này trên hệ thống quốc lộ và đường Trung ương được giao quản lý.	Điều chỉnh "Tổng cục ĐBVN" thành "Cục ĐBVN", Bổ sung Cục Đường cao tốc Việt Nam theo chức năng, nhiệm vụ.
90.2. Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chuẩn này trên hệ thống Đường tỉnh, Đường huyện, Đường xã, Đường đô thị và Đường chuyên dùng trong phạm vi địa giới hành chính.	Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy chuẩn này trên hệ thống Đường tỉnh, Đường huyện, Đường xã, Đường đô thị, Đường thôn và Đường chuyên dùng trong phạm vi địa giới hành chính và hệ thống quốc lộ được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao quản lý.	Bổ sung thêm "Đường thôn" và hệ thống quốc lộ được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao quản lý.
90.3. Vụ Khoa học công nghệ chủ trì, phối hợp với Tổng cục Đường bộ Việt Nam và các cơ quan có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện Quy chuẩn này.	90.3. Vụ Khoa học công nghệ, Môi trường chủ trì, phối hợp với Cục Đường bộ Việt Nam, Cục Đường cao tốc Việt Nam , Sở Giao thông vận tải và các cơ quan có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện Quy chuẩn này.	Điều chỉnh Vụ khoa học công nghệ thành Vụ khoa học công nghệ, Môi trường; "Tổng cục ĐBVN" thành "Cục ĐBVN", bổ sung Cục ĐCTVN phù hợp chức năng, nhiệm vụ
90.4. Trong quá trình thực hiện quy chuẩn, nếu có khó khăn, vướng mắc, báo cáo Bộ Giao thông vận tải xem xét, hướng dẫn hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.		

NỘI DUNG QUY CHUẨN 41:2019	NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH	NGUYÊN NHÂN ĐIỀU CHỈNH
Phụ lục A - ĐÈN TÍN HIỆU		
A.1 Các dạng đèn tín hiệu		
A.2 Một số quy định khi sử dụng hệ thống đèn tín hiệu		
<p>- Đèn dành cho người đi bộ có chu kỳ đèn dài ít nhất là 7 giây. Khi lưu lượng người đi bộ thấp và bề rộng đường hẹp 2 làn xe và không là đường ưu tiên thì có thể giảm bớt chu kỳ đèn ngắn hơn nhưng không ít hơn 4 giây. Chú ý, tốc độ của người đi bộ sang đường tính bằng 1,2 m/s, nếu nơi bố trí dành cho người khuyết tật qua đường sẽ phải tính tốc độ của người sang đường thấp hơn 1,2 m/s và căn cứ vào thị sát để đặt chu kỳ đèn cho phù hợp.</p>	<p>- Thời gian tín hiệu đèn dành cho người đi bộ dài ít nhất là 10 giây. Khi lưu lượng người đi bộ thấp và bề rộng đường hẹp (2 làn xe) và không là đường ưu tiên thì có thể giảm bớt thời gian tín hiệu đèn ngắn hơn, nhưng bảo đảm đủ để người đi bộ có thể qua được đường. Chú ý, tốc độ của người đi bộ sang đường tính bằng 1,2 m/s, nếu nơi bố trí dành cho người khuyết tật qua đường sẽ phải tính tốc độ của người sang đường thấp hơn 1,2 m/s và căn cứ vào thị sát để đặt chu kỳ đèn cho phù hợp.</p>	<p>Điều chỉnh thời gian đèn dành cho người đi bộ trường hợp thông thường, tối thiểu lên 10 giây, bỏ quy định tối thiểu 4 giây đối với trường hợp đường hẹp, không là đường ưu tiên; vì qua theo dõi thực tiễn thấy không đủ thời gian cho người đi bộ qua đường</p>
<p>Đề trợ giúp người đi bộ sang đường nhất là người khiếm thị, khiếm thính hoặc khuyết tật người ta còn sử dụng thiết bị cảm biến thụ động hoặc nút ấn. Thiết bị nút ấn dành cho người đi bộ sang đường bao gồm nút ấn, đèn nhấp nháy đặt chung trên một cột ở vị trí thuận lợi trên vỉa hè ngay vị trí bắt đầu dành cho người đi bộ sang đường. Thiết bị nút ấn còn trang bị bộ phận phát âm thanh để báo nơi đặt thiết bị nút ấn, âm thanh dễ nhận biết có chu kỳ 0,15 giây và lặp lại sau 1 giây, âm thanh có thể nghe thấy từ cự ly 1,8 m đến 3,7 m và âm lượng không thấp hơn 5 dB nhưng không cao hơn 89 dB và sẽ bị vô hiệu hóa khi chu kỳ đèn nhấp nháy kết thúc. Khi đặt thiết bị nút ấn phải khảo sát thực địa để bố trí phù hợp.</p>	<p>Đề trợ giúp người đi bộ sang đường nhất là người khiếm thị, khiếm thính hoặc khuyết tật người ta còn sử dụng thiết bị cảm biến thụ động hoặc nút ấn. Thiết bị nút ấn dành cho người đi bộ sang đường bao gồm nút ấn, đèn nhấp nháy đặt chung trên một cột ở vị trí thuận lợi trên vỉa hè ngay vị trí bắt đầu dành cho người đi bộ sang đường. Thiết bị nút ấn còn trang bị bộ phận phát âm thanh để báo nơi đặt thiết bị nút ấn, âm thanh dễ nhận biết có chu kỳ 0,15 giây và lặp lại sau 1 giây, âm thanh có thể nghe thấy từ cự ly 1,8 m đến 3,7 m và âm lượng không thấp hơn 5 dB nhưng không cao hơn 70 dB và sẽ bị vô hiệu hóa khi chu kỳ đèn nhấp nháy kết thúc. Khi đặt thiết bị nút ấn phải khảo sát thực địa để bố trí phù hợp.</p>	<p>điều chỉnh âm lượng không thấp hơn 5 dB nhưng không cao hơn 70 dB cho phù hợp về độ ồn Bảng 1 Thông tư số 39/2010/TT-BTNMT</p>
<p>- Do người điều khiển phương tiện tập trung quan sát phía trước để điều khiển phương tiện, vì vậy, khi đặt đèn tín hiệu hoặc các báo hiệu giao thông trên lề, hè cần</p>		
Phụ lục B		
Ý NGHĨA - SỬ DỤNG BIÊN BÁO CẢM		
Phụ lục E		
Ý NGHĨA - SỬ DỤNG BIÊN CHỈ DẪN		

NỘI DUNG QUY CHUẨN 41:2019	NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH	NGUYÊN NHÂN ĐIỀU CHỈNH
<p>E.42 Biên số I.439 "Tên cầu"</p> <p>a) Để chỉ các thông tin về một cầu, đặt biên số I.439 "Tên cầu". Biên số I.439 chỉ đặt khi chiều dài cầu lớn hơn 30 m và các cầu có chiều dài nhỏ hơn hoặc bằng 30 m nhưng có tên gắn với địa danh văn hóa, lịch sử. Không lắp đặt biển tên cầu đối với cầu có biểu tượng riêng và cầu trong khu vực nội thành, nội thị trừ các cầu mang tên danh nhân, địa danh văn hóa lịch sử đã có thì giữ nguyên và không nhất thiết phải ghi lý trình.</p> <p>Để có thông tin phục vụ quản lý cầu, ngoài việc đặt biên số I.439 “Tên cầu”, trong mọi trường hợp cần gắn các thông tin bao gồm: tên cầu, lý trình làm tròn đến mét, tên hoặc số hiệu đường, tải trọng thiết kế, chiều dài cầu, năm xây dựng vào thành dầm biên của cầu (gắn đường lên, xuống kiểm tra cầu).</p>	<p>E.42 Biên số I.439 "Tên cầu"</p> <p>a) Để chỉ các thông tin về một cầu, đặt biên số I.439 "Tên cầu". Biên số I.439 chỉ đặt khi chiều dài cầu lớn hơn 100 m và các cầu có chiều dài nhỏ hơn hoặc bằng 100 m nhưng mang tên danh nhân, địa danh văn hóa, lịch sử; các biển tên cầu của cầu có chiều dài nhỏ hơn hoặc bằng 100m đã lắp đặt trước ngày quy định này có hiệu lực thì tiếp tục tồn tại đến khi hư hỏng, mất tác dụng. Không lắp đặt biển tên cầu đối với cầu có biểu tượng riêng và cầu trong khu vực nội thành, nội thị trừ các cầu mang tên danh nhân, địa danh văn hóa lịch sử đã có thì giữ nguyên và không nhất thiết phải ghi lý trình.</p> <p>Để có thông tin phục vụ quản lý cầu, ngoài việc đặt biên số I.439 “Tên cầu”, trong mọi trường hợp cần gắn các thông tin bao gồm: tên cầu, lý trình làm tròn đến mét, tên hoặc số hiệu đường, tải trọng thiết kế, chiều dài cầu, năm xây dựng vào thành dầm biên của cầu (gắn đường lên, xuống kiểm tra cầu).</p>	<p>Điều chỉnh quy định về Biên số I.439 chỉ đặt khi chiều dài cầu lớn hơn 100 m và các cầu có chiều dài nhỏ hơn hoặc bằng 100 m nhưng có tên gắn với địa danh văn hóa, lịch sử để giảm số lượng cầu phải cấm biển; các cầu nhỏ chỉ cấm thông tin cầu để phục vụ quản lý cầu</p>
<p>Phụ lục O KÍCH THƯỚC MÃ HIỆU ĐƯỜNG BỘ</p>		
<p>Màng phản quang loại VIII, IX, X cấu trúc kim cương</p>	<p>Màng phản quang Tiêu chuẩn quốc gia</p>	<p>Phù hợp với TCVN 7887</p>